ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13 /2018/QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 21 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 69/TTr-SNN ngày 30/5/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện; theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện cho Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Lắk;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các tổ chức CT-XH của tỉnh;
- Công báo; Báo Đắk Lắk;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH, NNMT. Tg 80

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 13 /2018/QĐ-UBND ngày 21 /6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phạm vi vùng phụ cận đối với các công trình thủy lợi khác được xây dựng và đưa vào khai thác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; các nội dung khác không có trong Quy định này thì thực hiện theo Luật Thủy lợi và các văn bản pháp luật có liên quan.

Các văn bản được viện dẫn thực hiện trong Quy định này khi bị sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công trình thủy lợi* là công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi bao gồm đập, hồ chứa nước, cống, trạm bơm, hệ thống dẫn, chuyển nước, kè, bờ bao thủy lợi và công trình khác phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi.

2. *Đê bao* là đê bảo vệ cho một khu vực riêng biệt, làm nhiệm vụ ngăn nước, bảo vệ sản xuất, dân sinh kinh tế và môi trường khu vực đó, bao gồm:

a) *Đê bao liên huyện* là đê bảo vệ cho khu vực liên quan từ hai huyện, thị xã (sau đây gọi tắt là huyện) trở lên;

b) *Đê bao liên xã* là đê bảo vệ cho khu vực liên quan từ hai xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là xã) trở lên trong một huyện;

c) *Đê bao độc lập* là đê bảo vệ cho khu vực trong phạm vi một xã.

3. *Đập dâng* là vật kiến trúc chắn ngang dòng chảy để nâng cao mực nước thượng lưu và cho phép dòng chảy tràn qua đập.

4. Tràn xả lũ là công trình tháo xả lũ nhằm đảm bảo cho hồ chứa được an toàn.

5. *Kênh chìm* là kênh có mặt cắt ngang kênh đào hoàn toàn trong nền đất tự nhiên.

6. *Kênh nổi* là kênh có mặt cắt ngang kênh đắp nổi trên nền đất tự nhiên hoặc nửa đào, nửa đắp.

7. *Kênh nội đồng* là công trình kênh, mương, đường ống dẫn nước tưới, tiêu nước trong phạm vi từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu đất canh tác.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm công trình và vùng phụ cận.

2. Trong phạm vi bảo vệ công trình, các hoạt động phải bảo đảm không gây cản trở cho việc vận hành và an toàn công trình; phải có đường quản lý, mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố.

Điều 5. Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh

1. Trạm bơm

Trạm bơm phải có hàng rào bảo vệ. Phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép ngoài móng hàng rào bảo vệ trở ra là 3 m (trường hợp nền hàng rào là đất đắp thì tính từ chân mái đắp trở ra 3 m).

Trường hợp công trình trạm bơm đã xây dựng chưa có hàng rào bảo vệ thì đơn vị trực tiếp quản lý khai thác trạm bơm phải xây dựng hàng rào bảo vệ trong ranh giới được giao đất. Phạm vi vùng phụ cận tính như quy định trên của Khoản này.

2. Đê bao

Phạm vi vùng phụ cận tính từ chân mái đê bao trở ra về phía sông và phía đồng, cụ thể như sau:

- Ở những vị trí đê đi qua khu dân cư, khu đô thị và khu du lịch, phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân đê trở ra 5 m đối với: Đê bao liên huyện; Đê bao liên xã và Đê bao độc lập.

- Đối với các vị trí khác:

+ Đê bao liên huyện: Phạm vi vùng phụ cận tối thiểu là 7 m;

+ Đê bao liên xã: Phạm vi vùng phụ cận tối thiểu là 6 m;

+ Đê bao độc lập: Phạm vi vùng phụ cận tối thiểu là 5 m.

3. Đập dâng

- Phần thuộc lòng sông, suối: Phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây đúc cuối cùng trở ra, tối thiểu là 30 m.

- Phần trên cạn của hai vai đập dâng: Phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây đúc ngoài cùng trở ra, tối thiểu là 20 m.

4. Tràn xả lũ

- Trường hợp Tràn xả lũ nằm trong phạm vi thân đập: Phạm vi vùng phụ cận thuộc vùng phụ cận của đập và hồ chứa được quy định trong Luật Thủy lợi.

- Trường hợp Tràn xả lũ nằm ngoài phạm vi thân đập: Phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây đúc ngoài cùng trở ra mỗi phía tối thiểu là 20 m.

5. Kênh (hoặc đường ống dẫn nước) và công trình trên kênh:

a) Kênh (hoặc đường ống dẫn nước) nổi:

- Kênh có lưu lượng nhỏ hơn 2 m^3/s: Phạm vi bảo vệ từ chân mái ngoài của kênh trở ra, tối thiểu là 1 m;

- Kênh nội đồng: Phạm vi bảo vệ từ chân mái ngoài của kênh trở ra, tối thiểu là 0,5 m.

b) Kênh (hoặc đường ống dẫn nước) chìm:

- Kênh có lưu lượng nhỏ hơn 2 m^3/s: Phạm vi bảo vệ tính từ giao tuyến mái kênh với mặt đất tự nhiên trở ra, tối thiểu là 1 m;

- Các đoạn kênh đi qua khu đông dân cư có nhà ở liền kề ven kênh, phạm vi bảo vệ từ mép ngoài bờ kênh trở ra, tối thiểu là 2 m;

- Đối với những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận được thực hiện theo quy định chung về hành lang bảo vệ công trình giao thông nhưng không được nhỏ hơn vùng phụ cận bảo vệ công trình theo quy mô kênh tương ứng.

c) Công trình trên kênh: Phạm vi bảo vệ từ phần xây dựng hoặc gia cố bảo vệ ngoài cùng của công trình trở ra mỗi phía giống theo quy định của tuyến kênh tương ứng đã nêu ở trên.

d) Đường ống dẫn nước: Phạm vi bảo vệ tính từ mép ngoài đường ống trở ra giống theo quy định của tuyến kênh tương ứng đã nêu ở trên.

Điều 6. Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Đối với các công trình thủy lợi đã đưa vào khai thác trước khi Quy định này có hiệu lực và chưa cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ thì tổ chức, cá nhân khai thác công trình có trách nhiệm cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Kinh phí cắm mốc được lấy từ nguồn tài chính trong quản lý, khai thác và nguồn hợp pháp khác.

2. Đối với các công trình thủy lợi triển khai xây dựng sau khi Quy định này có hiệu lực, Chủ đầu tư xây dựng công trình phải thực hiện cắm mốc chỉ giới phạm

vi bảo vệ theo quy định này và bàn giao cho tổ chức, cá nhân được giao khai thác công trình. Kinh phí cắm mốc được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình thủy lợi.

3. Khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tham mưu giúp Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các doanh nghiệp thủy lợi, các địa phương, đơn vị, tổ chức trực tiếp khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh triển khai cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo đúng quy định, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác công trình thủy lợi rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan thực hiện việc quản lý và sử dụng đất theo quy định.

3. Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí phục vụ công tác cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; công tác giải tỏa vi phạm, hỗ trợ, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định hiện hành đối với trường hợp vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đang được quản lý, khai thác.

4. Các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi thực hiện Quy định này.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân thực hiện tốt các quy định, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc thực hiện công tác bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

3. Giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Căn cứ vào Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền việc xử lý đối với công trình xây dựng không phép, trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn quản lý.

5. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân địa phương thực hiện các quy định của Pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Tham gia và chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện công tác bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

3. Ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm Pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương, trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý; thực hiện các biện pháp phối hợp quản lý, bảo vệ chặt chẽ các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, không để xảy ra tái vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

4. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi

1. Có trách nhiệm trực tiếp bảo vệ công trình thủy lợi; thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời và có biện pháp ngăn chặn các hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do đơn vị quản lý; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi xảy ra vi phạm trong việc xử lý và áp dụng các biện pháp cần thiết khôi phục hiện trạng ban đầu, bảo đảm an toàn cho công trình thủy lợi theo thiết kế.

2. Lập, trình thẩm định phê duyệt phương án cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do đơn vị được giao quản lý theo quy định tại Thông tư số 45/2009/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn lập và phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Thực hiện chế độ tổng hợp, báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xem xét, giải quyết.

Điều 11. Sửa đổi Quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị